

Số: /KH-SGTVT

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Về chuyển đổi số của Sở Giao thông vận tải Bắc Giang năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 6649/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023; trên cơ sở các Kế hoạch của UBND tỉnh Bắc Giang: Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 324/KHUBND ngày 13/7/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 22/6/2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, Sở Giao thông vận tải Bắc Giang xây dựng Kế hoạch về chuyển đổi số của Sở năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong thời gian vừa qua để từng bước thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 433-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 111- NQ/TU của Tỉnh ủy và một số văn bản của tỉnh, của Bộ Giao thông vận tải giao.

Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong lĩnh vực Giao thông vận tải mang tính tổng thể, toàn diện, có mô hình hoạt động được thiết kế, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số của tỉnh để đưa hoạt động của Sở Giao thông vận tải lên môi trường số, đảm bảo an toàn thông tin; phát triển kinh tế số, xã hội số để thay đổi mô hình quản trị tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp cũng như hiệu quả làm việc của công chức, viên chức, người lao động hợp đồng của Sở trong thời gian tới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về phát triển Chính quyền số của Sở

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần phát sinh hồ sơ đạt trên 90%;
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) xử lý trực tuyến đạt trên 60%;

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 40%;
- Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đạt tối thiểu 70%;
- 100% tỷ lệ văn bản trao đổi giữa Sở và các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử;
- Trên 95% tỷ lệ hồ sơ công việc tại Sở được xử lý trên môi trường mạng;
- Trên 85% chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở cũng như các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

2.2. Mục tiêu về phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.
- 100% tỷ lệ dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân,
- 100% tỷ lệ giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.
- 100% tỷ lệ kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Nhà nước đối với các phòng, ban đơn vị thuộc Sở.
- Tối thiểu 70% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.
- Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.
- 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động của cơ quan được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.
- 100% cán bộ chuyên trách CNTT của cơ quan, đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Cập nhật, duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang phiên bản 2.0.
- Áp dụng các chính sách về CSDL (danh mục dữ liệu, danh mục CSDL, kế hoạch mở dữ liệu lĩnh vực chuyên ngành GTVT).
- Vận hành các hệ thống của tỉnh đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin.

- Áp dụng bộ tiêu chí công sở, bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng đơn vị, lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình chuyển đổi số mà tỉnh ban hành.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng TTHC các cấp trong lĩnh vực Giao thông vận tải khi có sự thay đổi.

2. Phát triển hạ tầng số

- Cung cấp dữ liệu chuyên ngành vào Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục sử dụng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống trang thiết bị hợp trực tuyến của tỉnh cung cấp.

- Đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số. Đồng thời thường xuyên nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

3. Phát triển các nền tảng, hệ thống

- Tiếp dụng vận hành sử dụng có hiệu quả các phần mềm chuyên dùng sau:

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp;

+ Hệ thống mail công vụ tỉnh Bắc Giang;

+ Một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông;

+ Hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ;

+ Hệ thống xử lý & khai thác dữ liệu từ TBGSHT thuộc Cục Đường bộ Việt Nam;

+ Quản lý hệ thống Giấy phép lái xe thống nhất toàn quốc...

4. Duy trì sử dụng các ứng dụng, dịch vụ

- Tiếp tục sử dụng Cổng dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo giải quyết TTHC công khai, minh bạch hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh, của Bộ, của Chính phủ phục vụ công tác chuyên môn.

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử của Sở.

- Duy trì hoạt động hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc đảm bảo áp dụng hiệu quả thống nhất từ Sở tới các sở, ban, ngành của tỉnh.

- Duy trì, hoạt động và sử dụng có hiệu quả Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đối với công chức, viên chức, người lao động của Sở.

- Tiếp tục triển khai, duy trì hoạt động, ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai, áp dụng các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Đầu tư các thiết bị, phần mềm, hệ thống giám sát bảo đảm an toàn thông tin; các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Sở.

6. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số do tỉnh tổ chức.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của Sở.

2. Các phòng, ban, đơn vị chủ động đề xuất kinh phí nâng cấp, duy trì các phần mềm chuyên dùng và các thiết bị công nghệ thông tin.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở:

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị và các Sở, ban ngành liên quan trong việc thực hiện chuyển đổi số; tham mưu xây dựng Kế hoạch, tổng hợp báo cáo, kiểm tra đôn đốc các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở trong việc triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số theo từng chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

2. Phòng Quản lý Chất lượng công trình giao thông:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, sẵn sàng chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý chất lượng các công trình giao thông chia sẻ, kết nối đáp ứng yêu cầu của tỉnh và Bộ Giao thông vận tải.

3. Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, sẵn sàng chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý kết cấu hạ tầng các công trình giao thông trong phạm vi được giao chia sẻ, kết nối đáp ứng yêu cầu của tỉnh và Bộ Giao thông vận tải đề ra.

4. Phòng Quản lý vận tải phương tiện & người lái:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, sẵn sàng chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý vận tải, công tác đào tạo cấp giấy phép lái xe trong phạm vi được giao chia sẻ, kết nối đáp ứng yêu cầu của tỉnh và Bộ Giao thông vận tải.

5. Phòng Kế hoạch tài chính:

Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách tỉnh Bắc Giang giao cho nhiệm vụ chuyên đổi số của Sở Giao thông vận tải năm 2023, cân đối, bố trí đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch này;

Căn cứ kết quả tổng hợp, đề xuất của Văn phòng, hằng năm lập dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của Sở.

6. Thanh tra Giao thông vận tải:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, sẵn sàng chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong công tác Thanh tra chuyên ngành, thanh tra hành chính chia sẻ, kết nối đáp ứng yêu cầu của tỉnh và Bộ Giao thông vận tải.

7. Các đơn vị trực thuộc:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, sẵn sàng chuyển đổi cơ sở dữ liệu trong công tác Thanh tra chuyên ngành, thanh tra hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo chia sẻ, kết nối đáp ứng theo yêu cầu của tỉnh, Thanh tra Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải.

Trên đây là Kế hoạch về chuyển đổi số của Sở Giao thông vận tải Bắc Giang năm 2023./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TTTT (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (t/h);
- Lưu: VP, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Lan

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGTVT ngày tháng 01 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của Sở - Tổng hợp báo cáo về chuyển đổi số theo quy định.	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị	Tháng 01/2023 Hàng tháng, Quý, Năm theo quy định	
2.	Xây dựng hệ thống giao thông thông minh tỉnh Bắc Giang				
2.1	Đầu tư và triển khai hệ thống quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	Văn phòng	Quý I/2023	Nhiệm vụ mới theo Kế hoạch số 6649/KH-UBND (Theo Kế hoạch số 324/KHUBND)
3.	CSDL và HTTT Giao thông vận tải			Quý I/2023	Nhiệm vụ mới theo Kế hoạch số 6649/KH-UBND (Theo Kế hoạch số 324/KHUBND)
3.1	Xây dựng và triển khai HTTT Giao thông vận tải, bao gồm:				
	Quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	Văn phòng		

	Quản lý biên lai	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Văn phòng		
	Quản lý cấp phép cho xe ô tô vận tải, xe chuyên dùng xe ô tô con, xe khách lưu thông vào đường cấm, giờ cấm trong khu vực nội đô thành phố	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Văn phòng		
	Quản lý cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Văn phòng		
	Quản lý cấp phép lưu hành đặc biệt (cho xe quá khổ quá tải, xe bánh xích tự hành)	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Văn phòng		
	Quản lý cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	Văn phòng		
	Quản lý cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	Văn phòng		
	Quản lý cấp đăng ký biển số cho xe máy chuyên dùng	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	Văn phòng		
	Quản lý duy tu	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Văn phòng		
	Quản lý và cấp phép đào đường, vỉa hè Số hoá hình thành CSDL Giao thông vận tải"	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Văn phòng		

4.	Cập nhật thông tin lớp CSDL ngành Giao thông vận tải trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	Phòng Quản lý Chất lượng công trình giao thông	Văn phòng	Quý I/2023	Nhiệm vụ mới theo Kế hoạch số 6649/KH-UBND (Theo Kế hoạch số 324/KHUBND)
----	---	--	-----------	------------	--